

Bản án số: 774/2024/DS-PT

Ngày: 05-9-2024.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền.

Các Thẩm phán:

1/ Bà Đặng Huyền Phương

2/ Bà Phạm Thị Thảo

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:** Ông Phạm Duy Tuấn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 530/2024/TLPT-DS ngày 02/7/2024, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 286/2024/DS-ST ngày 21/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3782/2024/QĐ-PT ngày 09/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 10091/2024/QĐ-PT ngày 31/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 12192/2024/QĐ-PT ngày 15/8/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Trần Thụy Thúy A**, sinh năm 1982; địa chỉ: B Đô Đốc T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Đào Thị Bích H**, sinh năm 1999; địa chỉ: A Đường số C, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; theo văn bản ủy quyền ngày 29/6/2023 (Có mặt).

2. **Bị đơn:** Bà **Trần Kim S**, sinh năm 1970; địa chỉ: C C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Đức H1, sinh năm 1983; địa chỉ: 3 L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; theo văn bản ủy quyền ngày 02/8/2023 (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Công ty Cổ phần Đ**; Trụ sở: A Đ, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ văn phòng làm việc: 308 C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Kim S – chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của công ty: Ông Trần Đức H1, sinh năm 1983; địa chỉ: 3 L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; theo văn bản ủy quyền ngày 27/11/2023 (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình giải quyết, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do được người quen giới thiệu nên bà Trần Thụy Thúy A biết đến bà Trần Kim S đang là Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Đ, với vốn điều lệ hơn 285.000.000.000đ (Hai trăm tám mươi lăm tỷ đồng). Vào ngày 10/05/2022, bà Trần Kim S có hỏi vay tiền từ bà Trần Thụy Thúy A để vay đáo hạn ngân hàng. Sau khi tìm hiểu về các tài sản mà bà Trần Kim S nói là cần tiền để đáo hạn và tin tưởng bà S là giám đốc của một công ty lớn nên bà A có cho bà S vay số tiền 3.500.000.000 đồng. Cũng trong ngày 10/5/2022 bà A đã giao toàn bộ số tiền nêu trên cho bà S tại trụ sở Công ty Cổ phần Đ. Thời hạn vay: Trong vòng 3 ngày kể từ ngày 10/05/2022, hạn cuối cùng trả nợ là ngày 12/05/2022. Sau đó bà S đã xác nhận nhận đủ số tiền và cam kết trả nợ đúng hạn.

Tuy nhiên, hết thời hạn vay tiền nêu trên, bà A có liên hệ đòi lại số tiền trên thì bà S nói rằng các sếp ngân hàng đang nghỉ phép nên không ký giải ngân được và có gửi cho bà A đoạn tin nhắn của phía ngân hàng trao đổi với bà S. Tới ngày 16/05/2022, bà S lại tiếp tục hẹn với lý do chưa phê duyệt được hồ sơ. Ngày 19/05/2022, bà S có thông báo đang chờ giải ngân và hẹn ngày 20/05/2022 sẽ chuyển tiền nhưng vẫn không thực hiện. Sau nhiều lần yêu cầu trả nợ, tới ngày 08/12/2022, bà S mới ghi một tờ Giấy cam kết sẽ trả toàn bộ số tiền trên cho bà Trần Thụy T A sau khi bán tài sản ở Bình Thuận.

Tính đến ngày 07/01/2023, thì bà S chỉ chuyển trả bà A số tiền 100.000.000 đồng và hẹn lại là hạn cuối cùng trả nợ là sau Tết âm lịch năm 2023. Sau đó ngày 19/01/2023, bà A tiếp tục trả thêm số tiền 50.000.000 đồng. Trong suốt thời gian bà S hứa trả tiền thì đã thực hiện bán nhiều tài sản và ngân hàng đã giải ngân rất nhiều khoản tiền. Tuy nhiên, bà S vẫn hứa hẹn và nói chưa có tiền.

Nhận thấy bà S cố tình chây ì để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ nên bà A khởi kiện ra Tòa.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Kim S trả lại cho bà Trần Thụy T A số tiền 3.350.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm, kể từ ngày 12/5/2022 cho đến khi bà S trả hết nợ.

Bị đơn có ông Trần Đức H1 là đại diện theo ủy quyền trình bày: Xác định giữa bà A và bà S có quan hệ vay tiền với nhau. Do phí bà S gặp khó khăn trong việc thu hồi vốn kinh doanh nên chưa có nguồn tiền để trả cho bà A. Ông bảo lưu ý kiến về việc bà S đề nghị trả bà A mỗi tháng 200.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ. Bà S xác nhận khoản nợ này là nợ cá nhân chứ không phải nợ của công ty Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty Cổ phần Đ có ông Trần Đức H1 đại diện trình bày: Bà S là người đại diện theo pháp luật của công ty. Công ty xác định khoản nợ mà bà A khởi kiện đòi bà S là nợ riêng của cá nhân bà S, không liên quan đến công ty. Việc viết giấy vay nợ tại trụ sở công ty, sau đó đóng dấu mộc của công ty vào phần bà S ký tên và đóng dấu treo vào giấy viết tay ngày 12/01/2023 là không đúng quy định. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đào Thị Bích H trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Kim S có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thụy T A số tiền nợ tính đến ngày 21/5/2024 là 4.028.375.000 đồng, bao gồm: nợ gốc 3.350.000.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 12/5/2022 là 678.375.000 đồng.

Phía bị đơn bà Trần Kim S có ông Trần Đức H1 đại diện trình bày: Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số nợ gốc. Từ ngày 10/5/2022 đến 23/8/2022, phía bị đơn còn thanh toán thêm cho nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng. Đây là số tiền lãi bị đơn đã trả nhưng do các bên không thỏa thuận cụ thể về lãi nên đề nghị cản trừ số tiền này vào tiền nợ gốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, kiến nghị Tòa án vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Xét thấy các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và phần tranh tụng

tại phiên tòa đã đủ cơ sở để kết luận có việc bà Trần Kim S vay tiền của bà Trần Thụy Thúy A; do bị đơn không trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện đòi trả số tiền gốc và lãi còn thiếu là có cơ sở. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 286/2024/DS-ST ngày 21/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Tuyên xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án Dân sự.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trần Thụy Thúy A: Buộc bà Trần Kim S phải trả cho bà Trần Thụy T An số tiền nợ tạm tính đến ngày 21/5/2024 là **4.028.375.000** (*Bốn tỉ, không trăm hai mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi lăm ngàn*) đồng, bao gồm: tiền nợ gốc 3.350.000.000 đồng và tiền nợ lãi 678.375.000 đồng để chấm dứt nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận vay nợ giữa các bên.

Phương thức và thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần toàn bộ số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tiền lãi được tiếp tục phát sinh kể từ ngày 22/5/2024 cho đến khi bà Trần Kim S trả hết nợ. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 112.028.375 (*Một trăm mười hai triệu, không trăm hai mươi tám ngàn, ba trăm bảy mươi lăm*) đồng do bà Trần Kim S1.

H2 lại cho bà Trần Thụy Thúy A số tiền tạm ứng án phí 53.060.000 (*Năm mươi ba triệu, không trăm sáu mươi ngàn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023314 ngày 06/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/6/2024, Bị đơn – Bà Trần Kim S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng trừ số tiền 500.000.000 đồng bị đơn đã trả cho nguyên đơn vào tiền vốn hoặc lãi bị đơn phải trả để xác định chính xác số tiền bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo.

Đại diện của nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm. Số tiền 500.000.000 đồng bị đơn chuyển khoản cho nguyên đơn trước ngày bị đơn ký giấy cam kết trả nợ là ngày 08/12/2022. Đây là khoản tiền bị đơn nhờ nguyên đơn thực hiện các công việc khác không liên quan đến số nợ bị đơn vay của nguyên đơn 3.500.000.000 đồng. Do vậy, tại cam kết trả nợ là ngày 08/12/2022 bị đơn đã xác nhận còn nợ nguyên đơn 3.500.000.000 đồng. Sau đó bị đơn có trả được cho nguyên đơn hai lần tổng cộng là 150.000.000 đồng nên bị đơn còn nợ lại nguyên đơn 3.350.000.000 đồng tiền gốc.

Đại diện bị đơn trình bày: Bị đơn xác nhận bị đơn có ký cam kết trả nợ ngày 08/12/2022 và giấy xác cam kết trả nợ ngày 12/01/2023. Từ ngày 21/5/2022 đến ngày 23/8/2022, bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. Bị đơn không xác định được số tiền này là bị đơn trả vốn hay lãi cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn đã nhận số tiền này và không có chứng cứ chứng minh khoản tiền đã nhận là trả cho khoản khác như nguyên đơn trình bày thì nguyên đơn phải trừ vào số tiền bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn. Bị đơn yêu cầu Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng trừ số tiền 500.000.000 đồng bị đơn đã trả cho nguyên đơn vào tiền bị đơn phải trả. Bị đơn xác nhận khoản tiền bị đơn vay của nguyên đơn là nợ của cá nhân bị đơn với nguyên đơn không liên quan đến công ty Cổ phần Đ.

Đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Đ trình bày: Bà S là người đại diện theo pháp luật của công ty. Công ty xác định

khoản nợ mà bà A khởi kiện đòi bà S là nợ riêng của cá nhân bà S, không liên quan đến công ty.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

- Về tố tụng: Từ ngày thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đầy đủ và đúng trình tự thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa. Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Kim S. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 286/2024/DS-ST ngày 21/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn - Bà Trần Kim S yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng trừ số tiền 500.000.000 đồng bị đơn đã trả cho nguyên đơn vào tiền vốn hoặc lãi bị đơn phải trả để xác định chính xác số tiền bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Theo nguyên đơn trình bày: Ngày 10/05/2022, bà Trần Thụy Thúy A có cho bà Trần Kim S vay số tiền 3.500.000.000 đồng, cùng ngày bà A đã giao đủ số tiền 3.500.000.000 đồng cho bà S. Thời hạn vay: Trong vòng 3 ngày kể từ ngày 10/05/2022, hạn cuối cùng trả nợ là ngày 12/05/2022. Bà S đã xác nhận nhận đủ số tiền và cam kết trả nợ đúng hạn. Tuy nhiên, hết thời hạn vay tiền bà A có liên hệ đòi lại số tiền trên nhưng bà S không thực hiện. Ngày 08/12/2022, bà S viết Giấy cam kết sẽ trả toàn bộ số tiền trên cho bà Trần Thụy T A sau khi bán tài sản ở Bình Thuận. Bà A xác nhận có nhận của bà S tổng số tiền vào các đợt là 650.000.000 đồng như bà S trình bày. Tuy nhiên, các đợt nhận tiền vào ngày 21/5/2022 nhận 100.000.000 đồng; ngày 10/6/2022 nhận 200.000.000 đồng; ngày 27/6/2022 nhận 100.000.000 đồng; ngày 23/8/2022 nhận 100.000.000 đồng là tiền bà S trả cho bà A tiền chi phí khác không liên quan đến số nợ bà S đã vay. Bởi vậy vào ngày 12/01/2023 sau thời điểm chuyển số

tiền 500.000.000 đồng bà S đã ký giấy xác nhận còn nợ bà A số nợ gốc là 3.400.000.000 đồng. Tính đến ngày 07/01/2023, thì bà S chỉ chuyển trả bà A số tiền 100.000.000 đồng và hẹn lại hạn cuối cùng trả nợ là sau Tết âm lịch năm 2023. Sau đó, ngày 19/01/2023, bà A tiếp tục trả thêm số tiền 50.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Đức H1 là đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Xác định giữa bà A và bà S có quan hệ vay tiền với nhau. Ngày 10/5/2022 bà S có vay của bà A 3.500.000.000 đồng, thời hạn vay là 3 ngày, lãi suất 3,5%/ ngày (tức 3,5 tỷ trả 1.000.000 đồng/ngày). Do phía bà S gặp khó khăn trong việc thu hồi vốn kinh doanh nên chưa có nguồn tiền để trả cho bà A. Bà S đề nghị trả bà A mỗi tháng 200.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ. Bà S xác nhận khoản nợ này là nợ cá nhân chứ không phải nợ của công ty Đ. Tại phiên tòa sơ thẩm và đơn kháng cáo bị đơn trình bày: Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số nợ gốc. Theo bị đơn từ ngày 10/5/2022 đến 23/8/2022, phía bị đơn còn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng theo các chứng từ chuyển khoản cụ thể: ngày 21/5/2022 trả 100.000.000 đồng; ngày 10/6/2022 trả 200.000.000 đồng; ngày 27/6/2022 trả 100.000.000 đồng; ngày 23/8/2022 trả 100.000.000 đồng. Sau đó, ngày 07/01/2023 trả lãi 100.000.000 đồng và ngày 19/01/2023 trả lãi 50.000.000 đồng. Bị đơn không xác định được số tiền này là trả vốn hay lãi, do các bên không thỏa thuận cụ thể về lãi nên đề nghị căn trừ số tiền này vào tiền nợ mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn.

Căn cứ Giấy cam kết trả nợ ngày 08/12/2022 có nội dung “...Đối với khoản vay 1.000.000.000 (Một tỷ đồng chẵn) sẽ thanh toán từ nguồn vay Valotrade. Đối với khoản vay còn lại là 2.500.000.000đ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng) sẽ được thanh toán khi giải ngân...”. Tại giấy viết tay ngày 12/01/2023 do bà Trần Kim S ký có nội dung: “...Đã thanh toán 100.000.000đ (Một trăm triệu) vào ngày 07/01/2023. Số tiền còn lại 3.400.000.000đ (Ba tỷ, bốn trăm triệu đồng chẵn) lịch thanh toán: Trước tết Âm lịch thanh toán 900.000.000đ. Tại bên bản ghi nhận ý kiến ngày 10/01/2024 và Biên bản hòa giải thành ngày 17/01/2024, phía bà S cũng xác nhận còn nợ bà A 3.350.000.000 đồng, không có ý kiến gì về số tiền 500.000.000 đồng đã chuyển trả cho bà A trước thời điểm ngày 07/01/2023 mà chỉ có yêu cầu nguyên đơn cho trả dần mỗi tháng 200.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 3.350.000.000 đồng như phía nguyên đơn trình bày. Việc bị đơn không trả nợ theo cam kết gây thiệt hại cho nguyên đơn nên bản án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc còn thiếu là phù hợp qui định pháp luật.

Đối với yêu cầu căn trừ số tiền 500.000.000 đồng vào số tiền gốc của bị đơn, nhận thấy: Bị đơn trình bày từ ngày 10/5/2022 đến 23/8/2022, phía bị đơn

có chuyển khoản cho nguyên đơn số tiền lãi là 500.000.000 đồng ngoài số tiền đã trả ngày 07/01/2023 là 100.000.000 đồng và ngày 19/01/2023 trả 50.000.000 đồng, như vậy bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 650.000.000 đồng. Nguyên đơn xác nhận từ ngày 10/5/2022 đến 23/8/2022 có nhận của bị đơn số tiền 500.000.000 đồng nhưng khoản tiền này không phải là trả lãi hay vốn của số tiền vay 3.500.000.000 đồng mà là tiền bị đơn trả cho nguyên đơn cho chi phí dịch vụ mà các bên thống nhất và nguyên đơn ứng ra nên bị đơn thanh toán lại. Tuy các bên không có thỏa thuận bằng văn bản về các chi phí này nhưng những lần đi thực hiện công việc xong nguyên đơn có nhắn tin cho bị đơn và bị đơn chuyển trả lại. Nguyên đơn xác định việc vay mượn của các bên không có lãi nên không có việc bị đơn trả lãi cho nguyên đơn. Căn cứ nội dung Giấy cam kết trả nợ ngày 08/12/2022, giấy viết tay ngày 12/01/2023 thể hiện các bên cho vay không có thỏa thuận cụ thể về mức lãi suất; bị đơn trình bày đây là tiền lãi nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Các khoản tiền mà bị đơn chuyển khoản theo các chứng từ chuyển khoản mà bị đơn cung cấp và yêu cầu trừ vào tiền vốn hoặc lãi phải trả cho nguyên đơn gồm: ngày 21/5/2022 chuyển 100.000.000 đồng, ngày 10/6/2022 chuyển 200.000.000 đồng, ngày 27/6/2022 chuyển 100.000.000 đồng, ngày 23/8/2022 chuyển 100.000.000 đồng, các khoản tiền này bị đơn chuyển cho nguyên đơn trước thời điểm bị đơn viết giấy xác nhận nợ. Tại giấy viết tay ngày 12/01/2023 bà S đã tự viết giấy xác nhận số nợ gốc còn lại là 3.400.000.000 của nguyên đơn và cam kết trả nợ cho nguyên đơn nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn về việc bị đơn đã trả lãi, hoặc vốn cho nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng và yêu cầu trừ số tiền này vào tiền số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm tạm tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả là ngày 12/5/2022 đến thời điểm xét xử của nguyên đơn:

Tại các giấy viết tay về việc cam kết trả tiền giữa các bên không thỏa thuận với nhau về lãi suất. Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn trình bày số tiền nợ gốc 3.500.000.000 đồng các bên thỏa thuận thời hạn trả là 03 ngày kể từ ngày 10/5/2022, tại bản tự khai và biên bản ghi nhận ý kiến ngày 17/11/2023, bị đơn cũng thừa nhận thời hạn vay là 03 ngày và hạn trả nợ là ngày 12/5/2022 như nguyên đơn trình bày. Do đó, Hội đồng xét xử xác định việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 12/5/2022 là có cơ sở.

Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn – Bà Trần kim S2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 286/2024/DS-ST ngày 21 tháng 05 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn – Bà Trần Kim S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001926 ngày 06/6/2024 của Chi cục thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Huyền Phương

Phạm Thị Thảo

Nguyễn Thị Huyền

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huyền

các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.

Xét thấy, trong giấy vay tiền các bên không có thỏa thuận về lãi, bị đơn cam kết sẽ trả vào ngày 12/5/2022 nhưng không thực hiện. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất chậm trả 10%/năm kể từ thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền ngày 12/5/2022 là phù hợp với quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là đúng qui định pháp luật. Như vậy, tổng số tiền bà Trần Kim S phải trả cho bà Trần Thụy T A tạm tính đến ngày 21/5/2024 là 4.028.375.000 đồng, bao gồm: tiền nợ gốc 3.350.000.000 đồng và tiền nợ lãi 678.375.000 đồng.

[2.3] Về phương thức và thời hạn thanh toán, bà Trần Kim S vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chính đáng của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị đơn trả một lần toàn bộ tiền nợ còn thiếu.

[3] Từ những nhận định trên và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn – Bà Trần Kim S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;